

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2018/DS-ST

Ngày 28-11-2018

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Hoàng Tiến Dũng.

- Ông: Phạm Văn Thích.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 28/8/2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-DS ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thèn Văn D; Sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Sùng Văn L; Sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện viết ngày 27/8/2018 các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay anh Thèn Văn D trình bày: Nguồn gốc đất từ năm 1990 Ban quản lý thôn điều chỉnh đất đai chia theo nhân khẩu đất ruộng cho các hộ gia đình, năm 1997 giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng ổn định không có tranh chấp, thời điểm nhà có 05 khẩu gồm: Tôi Thèn Văn D SN 1964, vợ Thèn Già D SN 1959, con Thèn Thị P SN 1990, Thèn Thị B SN 1992, Thèn Văn T SN 1993, tôi trực tiếp đi kê khai giấy tờ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 21/3/1999 được UBND huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ N471253 mang hộ ông Thèn Văn D tờ bản đồ số 1, thửa 193 diện tích 1.720m² (*trong đó có 10 thửa nhỏ*) ruộng bậc thang. Địa chỉ: thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; Mục đích sử dụng: Đất lúa, thời hạn sử dụng 20 năm nhưng đến ngày 12/4/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hoàng Su Phì ra hạn kéo dài thời gian sử dụng đất đến ngày 21/3/2069. Quá trình gia đình sử dụng đất trồng lúa ổn định, liên tục từ năm 1990 đến tháng 09/2017 không tranh chấp

đất với ai. Từ tháng 10/2017 anh Sùng Văn L lấn chiếm toàn bộ thửa đất 193 diện tích 1.720m², nhưng đến ngày 05/10/2018 Tòa án ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định đo thực tế số diện tích đất tranh chấp là gồm hai khu đất ngăn cách nhau là con đường mòn đi ở giữa thành hai khu hai vị trí.

- *Khu thứ nhất vị trí số 1*: Diện tích 411,9m² gồm 04 thửa ruộng bậc thang. Trong đó thửa nhỏ số 01 anh Sùng Văn L kê đá lấn đất ruộng về phía đông giáp lán anh L rộng 4,3m² để mở rộng nền lán nương, hiện anh L trồng đậu tương 01 thửa, trồng lúa 01 thửa, trồng rau 02 thửa có tứ cận giáp ranh Phía bắc giáp đường mòn + khe nước; Phía nam giáp đường mòn; Phía đông giáp lán anh Sùng Văn L; Phía tây giáp đường mòn.

- *Khu thứ hai vị trí số 2*: Diện tích 973,7m² gồm 06 thửa ruộng bậc thang. Trong đó anh Sùng Văn L đã trồng ngô 02 thửa, trồng lúa 02 thửa, 01 thửa trồng đậu tương, 01 thửa trồng rau có tứ cận giáp ranh Phía bắc giáp đường mòn; Phía nam giáp đất màu hiện đang được anh Sùng Văn S và anh Sùng Seo M sử dụng; Phía đông giáp đất màu hiện anh Sùng Văn S đang sử dụng để trồng sắn; Phía tây giáp đất giáp đất lúa hiện anh Sùng Seo M đang sử dụng.

Nay tôi xác định số diện tích đất đo đạc thực địa ngày 05/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng tài nguyên và môi trường huyện là chính xác về diện tích thửa 193, tờ bản đồ số 1 tổng diện tích 1.385,6m² ở hai khu hai vị trí có 10 thửa nhỏ ruộng bậc thang.

Nay yêu cầu anh L trả lại thửa đất 193, tờ bản đồ số 1 diện tích 1.385,6m² ở hai vị trí 10 thửa nhỏ ruộng bậc thang và tháo dỡ kê đá lấn đất ruộng về phía đông giáp lán anh L rộng 4,3m² thửa nhỏ ở khu thứ nhất vị trí số 1. Ngoài ra anh L trả lại toàn bộ số tiền tôi đã bỏ ra chi phí gồm: Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 800.000đ và tiền trích đo sơ đồ đất là 4.398.353đồng.

Bị đơn anh Sùng Văn L xác nhận diện tích, vị trí thửa đất tranh chấp Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện; Phòng tài nguyên và môi trường huyện đo thực tế như nguyên đơn anh Thèn Văn D trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo tôi nguồn gốc thửa đất ruộng tranh chấp có công khai phá cách nhiều đời trước nhà tôi, cụ thể từ năm nào không biết, bố đẻ đời thứ 3 ông Sùng Lao K làm đến năm 1990 do thay đổi chính sách Nhà nước thu lại ruộng đất, chia lại ruộng đất theo khẩu lúc đó gia đình ít người tôi chưa lấy vợ nên được chia đất ít. Tôi tự ý lấn chiếm toàn bộ hai khu đất của anh Thèn Văn D; Khu thứ nhất vị trí số 1: Diện tích 411,9m² (04 thửa nhỏ ruộng bậc thang); Khu thứ hai vị trí số 2: Diện tích 973,7m² (06 thửa nhỏ ruộng bậc thang) thuộc thửa đất 193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.385,6m² đo thực tế đất hộ anh Thèn Văn D có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi đã lấn chiếm hai khu đất trên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai. Nhưng theo tôi được biết đất nhà nước chỉ giao khoán là 20 năm, nên tôi lấy lại đất của ông cha có công khai phá.

Nay tôi không nhất trí trả lại toàn bộ số diện tích đất đã lấn chiếm và toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền trích đo sơ đồ đất của anh Thèn Văn D đã đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan như việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ, xem xét đo đạc thẩm định tại chỗ, tiến hành hòa giải đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 97, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của BLTTDS; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Thèn Văn D. Buộc anh Sùng Văn L phải trả cho anh Thèn Văn D thửa đất 193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.385,6m² (trong đó có 10 thửa nhỏ) ruộng bậc thang địa chỉ thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Ghi nhận sự nhất trí của anh Thèn Văn D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định đo đạc tổng cộng 5.198.353đồng (năm triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng)

Về án phí: Buộc anh Sùng Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Thèn Văn D được hoàn trả lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn anh Thèn Văn D sau khi có đơn khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đã họp gia đình thống nhất, làm giấy ủy quyền cho anh Thèn Văn D đại diện hộ gia đình tham ra giải quyết vụ án từ giai đoạn điều ra đến khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật với bị đơn anh Sùng Văn L.

Ngày 22/11/2018 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án nguyên đơn anh Thèn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có lý do bị ốm nằm viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa.

[2] *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn anh Thèn Văn D khởi kiện bị đơn yêu cầu anh Sùng Văn L trả lại diện tích đất tranh chấp vị trí khu thứ nhất diện tích 411,9m² (04 thửa nhỏ ruộng bậc thang) và vị trí khu thứ hai diện tích 973,7m² (06 thửa nhỏ ruộng bậc thang) thuộc thửa 193, tờ bản

đồ số 01 tổng diện tích 1.385,6m² đo thực tế hộ anh Thèn Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1999 theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì.

[3] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Sùng Văn L trả lại toàn bộ diện tích đất ở hai khu hai vị trí đo đạc thực tế tổng diện tích 1.385,6m² đất lúa.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX thấy rằng:

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Biên bản làm việc tại thôn gặp ông Ly Xuân T sinh năm 1962 là người sinh ra và lớn lên tại thôn biết rõ nguồn gốc đất, ông đã trải qua các chức danh Đội trưởng đội HTX từ năm 1983 và Trưởng thôn, Bí thư chi bộ và hiện được thôn bầu làm Già làng có uy tín trong thôn và cùng chính quyền địa phương khẳng định. Nguồn gốc đất trước năm 1990 là đất thời cụ anh Sùng Văn L có công khai phá. Nhưng từ năm 1990 do thay đổi chính sách nhà nước điều chỉnh chia lại ruộng đất theo nhân khẩu cho mỗi khẩu 03kg thóc giống, anh Thèn Văn D sử dụng đất ổn định liên tục không tranh chấp từ năm 1990 đến tháng 09/2017, từ tháng 10/2017 mới xảy ra tranh chấp đất giữa anh Thèn Văn D với anh Sùng Văn L.

Quá trình sử dụng đất: Tại biên bản làm việc xã Ng khẳng định trong quá trình sử dụng đất hộ anh Thèn Văn D sử dụng đất ổn định, liên tục không có tranh chấp với ai từ năm 1990 đồng thời là người đứng tên đi kê khai thửa đất số 193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.720m² mục đích sử dụng đất lúa được UBND huyện Hoàng Su Phì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1999 mang hộ anh Thèn Văn D, địa chỉ thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Biên bản làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hoàng Su Phì xác định trường hợp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 cho hộ anh Thèn Văn D thuộc trường hợp cấp đồng loạt theo danh sách của UBND xã, các hộ gia đình không phải lập hồ sơ riêng lẻ và các hộ gia đình đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Ng và đất không có tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có Quyết định về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân sử dụng đất trồng lúa ổn định tại xã kèm theo danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Ng thể hiện hộ anh Thèn Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ N471253 ngày 21/3/1999; Thửa 193, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì; Diện tích 1.720m²; Mục đích sử dụng: Đất lúa; Thời hạn 20 năm.

Theo Nghị quyết số 49/2013/QH13 ngày 21/6/2013 của Quốc hội về kéo dài thời hạn sử dụng đất theo Điều 126 Luật đất đai năm 2013 thời hạn được gia hạn quyền sử dụng đất nông nghiệp là 50 năm, kể từ ngày hết hạn ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên anh Thèn Văn D hết hạn sử dụng đất ngày 21/3/2019 được gia hạn sử dụng đất đến ngày 21/3/2069. Theo quy định Điều 74

Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn về trình tự, thủ tục khi hết hạn sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ, xác nhận thời hạn được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 126 và khoản 3 Điều 210 của Luật đất đai vào giấy chứng nhận đã cấp cho hộ anh Thèn Văn Dui, chỉnh lý cập nhật vào hồ sơ địa chính.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ thửa đất: Hai khu đất tranh chấp anh Sùng Văn Lương đang lấn chiếm

Khu thứ nhất vị trí số 1: Diện tích 411,9m² (gồm 04 thửa nhỏ ruộng bậc thang) trong đó thửa nhỏ số 01 ông Sùng Văn L kè đá lấn đất ruộng về phía đông giáp lán ông L rộng 4,3m² để mở rộng nền lán nương, hiện ông Sùng Văn L trồng đậu tương 01 thửa, trồng lúa 01 thửa, trồng rau 02 thửa có tứ cận giáp ranh như sau: Phía bắc giáp đường mòn + khe nước; Phía nam giáp đường mòn; Phía đông giáp lán ông Sùng Văn L; Phía tây giáp đường mòn.

Khu thứ hai vị trí số 2: Diện tích 973,7m² (gồm 06 thửa nhỏ ruộng bậc thang) trong đó ông Sùng Văn L đã trồng ngô 02 thửa, trồng lúa 02 thửa, 01 thửa trồng đậu tương, 01 thửa trồng rau có tứ cận giáp ranh như sau: Phía bắc giáp đường mòn; Phía nam giáp đất màu hiện đang được ông Sùng Văn S và ông Sùng Seo M đang sử dụng; Phía đông giáp đất màu hiện đang được ông Sùng Văn S đang sử dụng để trồng sắn; Phía tây giáp đất lúa hiện đang được ông Sùng Seo M đang sử dụng.

Tổng diện tích đất tranh chấp là 1.385,6m² thuộc thửa 193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.720m² đo thực tế số diện tích bị giảm so với giấy CNQSD đất hộ anh D được cấp đất là 334,4m²; Mục đích sử dụng: Đất lúa là thuộc quyền sử dụng đất của hộ anh i được UBND huyện Hoàng Su Phì cấp giấy CNQSD đất ngày 21/3/1999. Anh L đã chiếm hai khu đất trên không có giấy CNQSD đất.

[4] Tại tiểu mục 2.4, mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng. Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất trong trường hợp đất đã được đưa vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã mà sau đó tập đoàn sản xuất, hợp tác xã đã bị giải thể.

Đối với đất đã được cá nhân, tổ chức đưa vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã để sử dụng chung trong quá trình thực hiện chính sách hợp tác hoá nông nghiệp mà sau khi tập đoàn sản xuất, hợp tác xã bị giải thể thì căn cứ vào quy định tại Điều 1 của Luật đất đai năm 1987, khoản 2 Điều 2 của Luật đất đai năm 1993 và khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 cần phân biệt như sau:

a) Chủ cũ hoặc người thừa kế của người đó không có quyền đòi lại quyền sử dụng đất nếu đất đó đã được giao cho người khác sử dụng và họ đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003, trừ trường hợp có căn cứ chứng minh người đang sử dụng đất đó có hành vi gian dối, lừa đảo... để được giao quyền sử dụng đất.

Theo khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định về bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất cụ thể: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận diện tích đất tranh chấp thửa đất 193, tờ bản đồ số 1 diện tích 1.385,6m² ở hai khu hai vị trí có 10 thửa ruộng nhỏ bậc thang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ anh Thèn Văn D và chị Thèn Già D theo quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 97, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 166, Điều 175, Điều 176, khoản 1 Điều 579 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó anh D yêu cầu phía anh L trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp và tháo dỡ một phần kè đá lấn đất ruộng về phía đông giáp lán anh L rộng 4,3m² thửa nhỏ ở khu thứ nhất vị trí số 1 là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Việc bị đơn anh Sùng Văn L cho rằng nguồn gốc đất trước năm 1990 của ông cha có công khai phá, do thay đổi chính sách nhà nước điều chỉnh chia lại ruộng đất. Sau năm 1990 giao cho anh Thèn Văn D sử dụng ổn định liên tục đến tháng 09/2017, từ tháng 10/2017 anh đến lấn chiếm làm toàn bộ diện tích thửa đất 193, tờ bản đồ số 01 của anh D là sai vì không được cấp giấy CNQSD đất, nay anh yêu cầu đòi lại đất ông cha. HĐXX xét thấy việc anh Sùng Văn Lương đòi lại đất ông cha có công khai phá thì pháp luật không thừa nhận nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của anh L.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí Hợp đồng trích đo thửa đất tại phiên tòa phân tranh luận anh Thèn Văn D tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 800.000đồng và chi phí Hợp đồng tiền trích đo sơ đồ đất 4.398.353đồng tổng cộng 5.198.353đồng, xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự là hoàn toàn tự nguyện chịu chi phí tố tụng cần chấp nhận, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị đơn anh Sùng Văn L phải tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 97, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 166, Điều 175, Điều 176, khoản 1 Điều 579 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Thèn Văn D.

- Buộc anh Sùng Văn L nơi cư trú: thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang trả cho hộ anh Thèn Văn D và chị Thèn Già D nơi cư trú: thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang thửa đất số 193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.385,6m² (trong đó có 10 thửa nhỏ) ruộng bậc thang. Địa chỉ: thôn N, xã Ng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; Mục đích sử dụng: Đất lúa, hai khu đất ngăn cách nhau là con đường mòn đi ở giữa hai vị trí.

- *Khu thứ nhất vị trí số 1*: Diện tích 411,9m² (gồm 04 thửa ruộng bậc thang) có tứ cận giáp ranh như sau:

Phía bắc giáp đường mòn + khe nước.

Phía nam giáp đường mòn.

Phía đông giáp lán anh Sùng Văn L.

Phía tây giáp đường mòn và tháo dỡ một phần kè đá lán đất ruộng về phía đông giáp lán anh L rộng 4,3m² thửa nhỏ ở khu thứ nhất vị trí số 1 để trả lại hiện trạng ban đầu đất ruộng.

- *Khu thứ hai vị trí số 2*: Diện tích 973,7m² (gồm 06 thửa ruộng bậc thang) có tứ cận giáp ranh như sau:

Phía bắc giáp đường mòn;

Phía nam giáp đất màu hiện anh Sùng Văn S và anh Sùng Seo M đang sử dụng;

Phía đông giáp đất màu hiện anh Sùng Văn S đang sử dụng trồng sắn;

Phía tây giáp đất lúa hiện anh Sùng Seo M đang sử dụng.

(Kèm theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 05/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hoàng Su Phì).

2. Ghi nhận của nguyên đơn anh Thèn Văn D tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000đồng và tiền chi phí Hợp đồng trích đo sơ đồ đất 4.398.353đồng tổng cộng 5.198.353đồng (năm triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng) anh Thèn Văn D đã nộp chi phí xong.

3. Về án phí: Buộc anh Sùng Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Thèn Văn D được hoàn trả lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 04135 ngày 28/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện (để thi hành);
- UBND xã Ng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Công